

Mô hình doanh nghiệp KH&CN cần sớm được hoàn thiện để phát triển

Từ nhiều năm nay, các viện KH&CN ở nước ta đã phải làm quen dần với cơ chế tự trang trải. Tháng 9/2005, Nghị định 115/2005/NĐ-CP của Chính phủ được ban hành đã thực sự là cơ sở pháp lý để các tổ chức KH&CN được tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong các hoạt động của mình. Với sự ra đời của Nghị định 80/2007/NĐ-CP (ngày 15 trong 5 năm 2007), việc chuyển đổi các tổ chức KH&CN thành DN KH&CN đã trở thành yêu cầu cấp bách (bởi điểm kết thúc của quá trình chuyển đổi này là hết năm 2009), nhằm nhanh chóng đưa các tổ chức KH&CN sớm trở thành một lực lượng lao động sản xuất mới, đẩy mạnh việc ứng dụng các kết quả KH&CN vào thực tiễn SX-KD. Tuy nhiên, trong thực tế triển khai, mô hình DN mới này vẫn còn cần nhiều chính sách cụ thể để sớm được hoàn thiện và phát triển.

**TS. Phạm Khánh Toàn -
Viện trưởng Viện Năng lượng:**
*Mô hình DN KH&CN vẫn đang
trong quá trình hoàn thiện.*



Ngày 01/01/2007, Viện Năng lượng chính thức hoạt động theo Nghị định 115 của Chính phủ. Từ Ban Lãnh đạo đến từng CBCNV đã xác định và tăng cường trách nhiệm, nâng cao tính tích cực, chủ động, năng động, sáng tạo và hiệu quả hoạt động, nhằm đáp ứng tốt nhất các nhiệm vụ được giao của Nhà nước, của Ngành và nhu cầu thị trường. Nhìn lại chặng đường hoạt động gần 2 năm qua, chúng tôi thấy có một số thuận lợi và khó khăn sau:

Về thuận lợi: Nghị định 115 của Chính phủ được coi là một giải pháp cấp bách và rất cần thiết, tạo hành lang pháp lý cho hoạt động tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Viện. Từ khi được chuyển đổi, Viện có thuận lợi trong ký kết hợp đồng với các đối tác mà trước đây Nhà nước chưa có quy định cụ thể về cơ chế chính sách hoạt động SXKD cho các đơn vị sự nghiệp. Việc giải quyết thủ tục cho cán bộ của Viện đi tham quan, học tập, công tác nước ngoài được thuận lợi

và nhanh chóng hơn rất nhiều.

Về khó khăn: Do mới tự chủ về tài chính, nên không có nguồn vốn lưu động để hoạt động dịch vụ KHKT và SXKD, cũng như chưa có điều kiện để chủ động triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học. Công tác phát triển nguồn nhân lực, đào tạo cán bộ KHKT đáp ứng nhu cầu của cơ chế thị trường vì vậy cũng vẫn cần phải được hỗ trợ từ các cơ quan quản lý cấp trên. Bên cạnh đó, cơ sở vật chất, trang thiết bị, máy móc, các phòng thí nghiệm phục vụ cho công tác NCKH cũng cần được trang bị hiện đại hơn.

Trong bối cảnh còn nhiều khó khăn, để tạo vốn hoạt động và đảm bảo đời sống CBCNV, Viện tiếp tục kết hợp vừa thực hiện nghiên cứu chiến lược, chính sách, nghiên cứu khoa học công nghệ, vừa tiếp tục mở rộng quy mô và phạm vi hoạt động tư vấn dịch vụ KHKT với các đối tác trong nước, đồng thời tích cực tăng cường hợp tác KHKT với các tổ chức nước ngoài, thực hiện các chương trình NCKH quốc gia, khu vực và các vấn đề chuyên ngành, thông qua các hợp đồng kinh tế. Ngoài ra, Viện làm tốt hơn công tác quản lý hạch toán tài chính, thực hành tiết kiệm trên cơ sở quy chế hạch toán kinh tế nội bộ cơ quan.

Tuy nhiên, trong thực tế, còn nhiều cơ chế, chính sách của Nhà nước về hoạt động theo mô hình này vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, chưa được đồng bộ, chưa được vận dụng để thực hiện. Viện vẫn chưa được hưởng các chính sách ưu đãi của tổ chức KH&CN và các chính sách ưu đãi đối với doanh nghiệp sản xuất mới thành lập tại khoản 5, Điều 9 Nghị định 115/2005/NĐ-CP. Cụ thể, theo quy định, Viện được ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 2 năm, kể từ khi có thu nhập chịu

thuế và được giảm 50% số thuế phải nộp cho 2 năm tiếp theo đối với tổ chức mới được thành lập, nhưng năm 2007, Viện vẫn phải nộp thuế 100%. Cho đến nay, rất nhiều văn bản đã gửi tới các cơ quan chức năng, nhưng vẫn chưa được giải quyết triệt để. Viện cũng chưa được hưởng ưu đãi theo quy định tại điểm 5 mục VIII của Thông tư Liên tịch: "để khuyến khích các tổ chức KH&CN chuyển đổi sớm trước năm 2009, Nhà nước hỗ trợ một lần kinh phí vào năm thực hiện chuyển đổi với mức tối thiểu bằng 50% tổng kinh phí hoạt động thường xuyên của các năm còn lại, tính theo mức của năm trước liền kề năm chuyển đổi".

TS. Nguyễn Anh Tuấn - Viện trưởng Viện Khoa học Công nghệ Mỏ - TKV: *Tuy chưa chuyển đổi, nhưng trên thực tế, Viện đã hoạt động theo mô hình DN KHCN.*



Mặc dù chưa chuyển đổi thành doanh nghiệp khoa học công nghệ theo Nghị định 115/2005/NĐ-CP của Chính phủ, nhưng trong những năm qua, Viện Khoa học Công nghệ Mỏ-TKV, một đơn vị nghiên cứu khoa học công nghệ thuộc Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đã thực sự hoạt động theo mô hình doanh nghiệp khoa học công nghệ.

Với phương châm gắn kết nghiên cứu khoa học với sản xuất, lấy hiệu quả phục vụ sản xuất làm mục tiêu cho hoạt động nghiên cứu và triển khai khoa học công nghệ, đẩy mạnh áp dụng các kết quả nghiên cứu, các tiến bộ kỹ thuật và chuyển giao công nghệ, Viện đã đổi mới toàn diện, mở rộng lĩnh vực hoạt động khoa học công nghệ và sản xuất kinh doanh, kết hợp hài hòa giữa nghiên cứu tiền trước, nghiên cứu triển khai ứng dụng, chuyển giao công nghệ, sản xuất kinh doanh sản phẩm KHCN, đa dạng hoá các hình thức chuyển giao công nghệ phù hợp với những quy định về quản lý tài chính của Nhà nước, thực hiện các hợp đồng liên doanh liên kết, các hợp đồng tổng thầu (EPC), các hợp đồng thầu khai thác trên cơ sở áp dụng công nghệ cơ giới hoá bằng thiết bị đồng bộ máy khâu và dàn chống tự hành...

Từ một đơn vị hoạt động bằng 100% vốn ngân sách nhà nước, Viện đã chuyển sang cơ chế tự chủ, tự trang trải, tự chịu trách nhiệm và đã tìm cho mình một hướng đi đúng là tập trung giải quyết những vấn đề bức xúc mà thực tiễn sản xuất mỏ đang cần. Viện đã có đóng góp quan trọng trong việc thực hiện chủ trương đổi mới và phát triển khoa học công nghệ của ngành Than. Đó là việc triển khai các dự án áp dụng vi chống thủy lực thay thế gỗ chống lò, cơ giới hoá khai thác than, an toàn khí mỏ, nước ngầm, sàng tuyển than, nâng cao chất lượng than...

Năm 2007, tổng doanh thu thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, dịch vụ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, sản xuất kinh doanh đạt 164,5 tỉ đồng, trong đó, thu từ các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học các cấp theo vốn ngân

sách nhà nước (đề tài, dự án) chỉ chiếm 3,1%; từ các hợp đồng nghiên cứu ứng dụng, dịch vụ kỹ thuật chuyển giao công nghệ đạt 80,9%; từ hoạt động sản xuất kinh doanh 16,0%.

TS. Đào Sỹ Sành, Viện trưởng Viện Công nghiệp Giấy và Xenlulô:

Xenlulô: Viện chúng tôi trực thuộc TCT. Sau khi CPH TCT thì Viện trực thuộc cơ quan nào?



Viện Công nghiệp Giấy và Xenlulô là một trong những cơ quan đi đầu trong thực hiện chủ trương của Nhà nước về việc chuyển đổi hoạt động các viện nghiên cứu theo mô hình doanh nghiệp khoa học công nghệ. Thực tế, từ năm 1999, Viện đã bị cắt giảm 30% nguồn ngân sách nhà nước và đến năm 2001 thì bắt đầu thực hiện tự chủ, tự trang trải. Tuy nhiên, theo đặc thù, TCT Giấy Việt Nam vẫn hỗ trợ một phần kinh phí, đáp ứng được khoảng 50% lương cho cán bộ và 20-30% cho hoạt động bộ máy.

Về thủ tục hành chính, trong quá trình chuyển đổi, Viện đã làm đề án chuyển đổi như xây dựng điều lệ hoạt động theo cơ chế mới và đã được cơ quan cấp trên là Tổng công ty Giấy Việt Nam phê duyệt theo đúng tiến độ Nhà nước yêu cầu, vào quý 4/2006.

Từ năm 2007, Viện đã chính thức hoạt động theo Nghị định 115. Viện tham gia vào thị trường khoa học công nghệ và đầu tư, đấu thầu các dịch vụ, cung cấp các máy móc thiết bị, kinh doanh thương mại (nhờ có giấy phép kinh doanh) và mời các chuyên gia nước ngoài sang làm việc tại Viện.

Bên cạnh những thuận lợi, cũng có những khó khăn mà Viện đã phải đối mặt, đó là, đến một lúc nào đó, Tổng công ty Giấy VN sẽ không hỗ trợ một phần kinh phí cho hoạt động của Viện. Tổng công ty lại đang nằm trong lộ trình cổ phần hoá, vì thế một câu hỏi đặt ra là, khi Tổng công ty CPH xong thì Viện sẽ trực thuộc ai? Đặc biệt là vừa qua, Chính phủ đã ban hành một số chính sách liên quan đến hoạt động các đơn vị hành chính sự nghiệp thuộc các bộ, trong đó có Bộ Công Thương. Cụ thể, có viện thì do Thủ tướng quyết định, có viện lại do Bộ trưởng quyết định, còn những viện trực thuộc tổng công ty, mà sau này tổng công ty CPH, viện sẽ như thế nào thì lại không được đề cập. Chính vì vậy, Viện Công nghiệp Giấy và Xenlulô rất mong các cơ quan chức năng sớm có giải đáp, để cán bộ công nhân viên yên tâm công tác.

Ông Hoàng Bá Thịnh - Viện trưởng Viện Nghiên cứu Sành sứ

Thủy tinh: Nên kéo dài thời gian trả nợ các dự án tới 5 năm.

Viện chúng tôi đã hoạt động theo mô hình doanh nghiệp KHCN từ lâu, nên Nghị định 115/CP thực ra không ảnh hưởng lắm. Tuy nhiên, qua thời gian thực hiện, chúng tôi thấy nảy sinh một số vấn đề thực sự khó khăn. Đó là khả năng thích nghi kém của một số cán bộ công chức, ngại đổi mới, quen nếp sống thời bao cấp, ngồi bàn giấy, đến khi phải tham gia



vào guồng quay của cơ chế thị trường, phải lẫn lộn với thực tế là không chịu nổi. Theo Nghị định 115/CP, đến năm 2009, Nhà nước sẽ không cấp kinh phí cho hoạt động của các viện nghiên cứu. Nhưng đến thời điểm này, khi các viện tập làm quen với việc tự trang trải, tự chịu trách nhiệm thì cơ chế lại chưa rõ ràng. Ví dụ đơn giản nhất là mở ra cho thuê nhà xưởng, nhưng viện không được thu tiền, mà kiểm toán nhà nước vào là thu hết luôn, họ lý luận rằng Viện đã được ngân sách cấp, bao giờ không có ngân sách thì mới được thu.

Hay như khi lựa chọn đối tác để liên doanh, liên kết, đúng thời cơ, thời điểm, nhưng không được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp như các doanh nghiệp liên doanh liên kết khác đầu tư vào các tỉnh, hay các khu công nghiệp. Cơ hội có nhưng cuối cùng, nhiều đối tác đã chào để quay đi.

Ngay cả các dự án nghiên cứu của Nhà nước có thu hồi vốn đầu tư thì cũng nên kéo dài thời gian thu hồi nợ từ 2 năm lên 5 năm. Giảm nợ cho các viện nghiên cứu chuyển đổi hoạt động theo mô hình doanh nghiệp KHCN có thu chính là hình thức hỗ trợ các viện đủ sức sống và đủ sức phát triển.

Nhóm PV (thực hiện)